TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 218/2021/QĐST-HNGĐ	*TP.Thái Bình, ngày 27 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T2ẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ T2ẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T2, miễn, giảm, T2, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận T2ận tình ly hôn, thỏa T2ận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Trần Ngọc T,** sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT: Khu x, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Số y, đường L, tổ z, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Chị **Lương Thị T2**, sinh năm 1994;

Nơi ĐKHKTT: Tổ c (Tổ y cũ), phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Phòng b, Tòa nhà V, Khu chung cư T, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ vào ngày 09/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung hòa thuận tại số nhà y, đường L, tổ z, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không

hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 12 năm 2020 mâu T2ẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mục đích hôn nhân không còn đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên anh chị đã cùng nhau bàn bạc và đi đến thống nhất T2ận tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết công nhận cho anh chị T2ận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh chị vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án công nhận T2ận tình ly hôn. Xét mâu T2ẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên cần công nhận T2ận tình ly hôn cho anh T và chị T2.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 có có 01 con chung là Trần Ngọc B, sinh ngày 05/06/2016. Ly hôn, anh chị thỏa T2ận: Giao cho anh Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc B. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 mỗi người nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa T2ận trên đây của anh T và chị T2 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T2ận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận T2ận tình ly hôn và sự thỏa T2ận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 T2ận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc B, sinh ngày 05/6/2016. Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lương Thị T2 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung: Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000441 ngày 15/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Anh Trần Ngọc T và chị Lương Thị T2 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Giấy chứng nhận kết hôn số x ngày 09/12/2015);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương